

Bản án số: 59/2024/DS-PT

Ngày: 29/7/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chịu.

Các thẩm phán: + Ông Lương Quang.
+ Ông Phạm Cao Gia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Cẩm Nhung, Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Ninh Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/DS-PT ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 16/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Sài Gòn T; Trụ sở chính: 266-268 N, phường V, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Thu T, Chuyên viên quan hệ khách hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn T, Phòng giao dịch S - Chi nhánh tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: 205-211 H, phường N, Tthành phố T, tỉnh Phú Yên. (Theo giấy ủy quyền số 351/2023/GUQ- CNPY ngày 18/10/2023). Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mẫu X, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đại diện Ngân hàng TMCP Sài Gòn T trình bày: Ngày

07/12/2022, bà Nguyễn Thị Mẫu X có ký kết với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (viết tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân – Số hợp đồng 2446054 ngày 07/12/2022. Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, do bà X không trả nợ nên khoản vay phát sinh nợ quá hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Tính đến ngày 29/12/2023, bà X còn nợ Ngân hàng số tiền 112.959.665 đồng, trong đó nợ gốc 103.140.563 đồng, lãi trong hạn và phí 6.237.495 đồng, lãi quá hạn 3.581.607 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà X phải trả tổng cộng 125.360.669 đồng (tính đến ngày xét xử 09/4/2024), gồm 103.140.563 đồng nợ gốc và 22.220.106 đồng nợ lãi. Ngoài ra, bà X còn phải trả số tiền lãi phát sinh từ sau ngày 09/4/2024, theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi bà X trả dứt điểm nợ vay. Buộc bà X phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí và các chi phí phát sinh liên quan.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X trình bày: Vào năm 2022, bà Nguyễn Thị Mẫu X có vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn T một món tiền như Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện P ngày 30/10/2023, số tiền gốc 100.000.000 đồng với hình thức tín chấp nhưng do làm ăn thua lỗ, tuổi cao, bản thân đau bệnh nên không lao động làm việc để có tiền trả cho Ngân hàng, yêu cầu Ngân hàng xem xét gia hạn nợ cho bà X và xem xét cho dừng lãi thường kỳ. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật,

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên đã Quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền 125.360.669 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng*) (trong đó nợ gốc 103.140.563 đồng, nợ lãi 22.220.106 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/4/2024), bà Nguyễn Thị Mẫu X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân - Số hợp đồng 2446054 ngày 07/12/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/4/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X kháng cáo, ngày 07/5/2024, kháng cáo bổ sung toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho bà X được trả tiền gốc và lãi hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi trả nợ xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, có lời trình bày đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị giải quyết cho bà được trả tiền gốc và lãi hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng.

Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Về án phí, đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã kháng cáo và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định vì người cao tuổi là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân – Số hợp đồng 2446054 ngày 07/12/2022. Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, do bà X không trả nợ nên khoản vay phát sinh nợ quá hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Tính đến ngày 29/12/2023, bà X còn nợ Ngân hàng số tiền 112.959.665 đồng, trong đó nợ gốc 103.140.563 đồng, lãi trong hạn và phí 6.237.495 đồng, lãi quá hạn 3.581.607 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng và buộc bị đơn bà X phải trả số tiền 125.360.669 đồng (tính đến ngày xét xử 09/4/2024), trong đó nợ gốc 103.140.563 đồng, nợ lãi 22.220.106 đồng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X tại phiên tòa phúc thẩm, bà X đã thừa nhận: Vào năm 2022, bà Nguyễn Thị Mẫu X vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền gốc 100.000.000 đồng với hình thức tín chấp nhưng do làm ăn thua lỗ, tuổi cao, bản thân đau bệnh nên không lao động làm việc để có tiền trả cho Ngân hàng, yêu cầu Ngân hàng xem xét gia hạn nợ cho bà X và xem xét cho dừng lãi thường kỳ. Hội đồng xét xử thấy lời thừa nhận của bị đơn bà X phù hợp với lời trình bày, với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trong suốt thời gian vay tiền, bị đơn bà X không trả nợ nên khoản vay phát sinh nợ quá hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn bà X phải trả số tiền 125.360.669 đồng (tính đến ngày xét xử 09/4/2024), trong đó nợ gốc 103.140.563 đồng, nợ lãi 22.220.106 đồng,

không chấp nhận yêu cầu của bị đơn xin được Ngân hàng gia hạn nợ và đề nghị Ngân hàng xét giảm, dừng lãi phát sinh là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận. Về nội dung kháng cáo của bị đơn không có cơ sở pháp luật và tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nào mới, không thỏa mãn về yêu cầu kháng cáo. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn nên bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 148; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 117, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 94; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 12; Điều 26; Điều 27; Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền 125.360.669 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng), trong đó nợ gốc 103.140.563 đồng, nợ lãi 22.220.106 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/4/2024), bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân - Số hợp đồng 2446054 ngày 07/12/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí:

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm.

+ Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền 2.620.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân

sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0010209 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện P (2);
- CCTHADS huyện P;
- P.KTNV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Chịu